Người ký: Sở Y tế
Email: contact-syt@laocai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Lào Cai
Thời gian ký: 19.04.2019 15:07:49 +07:00

UBND TỈNH LÀO CAI
SỞ Y TẾ

Số: 141 /BC-SYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày 19 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO
CÔNG TÁC Y TẾ THÁNG 4 NĂM 2019
(Từ ngày 21/3/2019 đến 20/4/2019)

Tháng 4 năm 2019, Ngành Y tế Lào Cai đã triển khai thực hiện các hoạt động công tác chuyên môn theo Kế hoạch thực hiện Đề án số 7 "Phát triển y tế, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân", chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2019 và Chương trình mục tiêu Y tế - dân số, kết quả cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC Y TẾ THÁNG 4/2019

1. Chương trình mục tiêu Y tế - dân số

a) Dự án 1: Phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến

- Phòng chống lao, phong, sốt xuất huyết:

+ Phòng chống bệnh lao: Số người được khám sàng lọc: 353 người, lũy kế: 1.370 BN (đạt 45% KH năm); BN lao các thể phát hiện: 21, lũy kế: 91/240 (đạt 38% KH năm); điều trị thành công: 23/37 BN, lũy kế: 58/78 BN đạt 74,4% KH.

+ Phòng chống bệnh phong: Không phát hiện bệnh nhân phong mới. Số BN đang quản lý: 19 (giám sát sau điều trị: 07; chăm sóc tàn tật: 12).

- Phòng chống sốt rét: Không phát hiện bệnh nhân sốt rét; tổng số lam, test xét nghiệm: 1.468, lũy kế toàn tỉnh: 2.509.

- Phòng chống các bệnh tăng huyết áp, đái tháo đường và rối loạn nội tiết, chuyển hóa khác: Tổng số khám nội viện: 3.763, lũy kế: 13.154/35.000 lượt BN (đạt 37,6% KH năm). Tổng số BN đang quản lý điều trị: 3.763 (ĐTĐ: 1.811, basedow: 553, suy giáp: 315, bướu cổ đơn thuần: 36, bệnh tuyến giáp khác: 1.048).

- Duy trì thực hiện hoạt động bảo vệ sức khoẻ tâm thần cộng đồng và trẻ em tại 164/164 xã, phường.

b) Dự án 2: Tiêm chủng mở rộng

Tiêm chủng thường xuyên trong tháng: Số trẻ <1 tuổi được TCĐĐ: 2.453, lũy kế: 4.056/14.292 (đạt 28,4% số trẻ); tiêm vắc xin viêm gan B trong 24 giờ đầu sau sinh: 760/903 trẻ, lũy kế: 3.112/3.656 (đạt 83,3%); tiêm uốn ván cho PNCT: 304, lũy kế 1.929/14.292 (đạt 13,5%).

Về trường hợp tử vong sau tiêm chủng: Bệnh nhi Phạm Bích Trâm, dân tộc Kinh, sinh ngày 03/06/2016 (Phú An 2, Phú Nhuận, Bảo Thắng). Ngày 04/4/2019, trẻ được tiêm chủng mũi 3 vắc xin Viêm não Nhật Bản tại trạm y tế, sau tiêm về nhà trẻ vẫn nô đùa, ăn uống bình thường. Chiều ngày 5/4/2019, trẻ có biểu hiện bệnh ở lớp học mẫu giáo được đưa vào khám tại trạm y tế hồi 15 g 40, sau đó vào BVĐK huyện Bảo Thắng

cấp cứu hồi 16 g 45, chuyển Bệnh viện Sản nhi tỉnh Lào Cai hồi 23 g 20 cùng ngày, được điều trị tích cực nhưng không tiến triển, chuyển Bệnh viện Nhi Trung ương lúc 11 g 30 ngày 06/4/2019, được cấp cứu tại đây nhưng không kết quả, trẻ tử vong. Theo Biên bản Hội đồng tư vấn chuyên môn Sở Y tế họp ngày 12/4/2019 đánh giá: Trẻ được tiêm vắc xin có nguồn gốc rõ ràng, được cấp theo hệ thống của Chương trình TCMR; quá trình vận chuyển, bảo quản vắc xin đúng theo quy định, quy trình thực hành tiêm chủng bảo đảm an toàn. Nhận đinh ban đầu: Trẻ tử vong sau tiêm chủng chưa rõ nguyên nhân, chờ kết quả giám định pháp y.

c) Dự án 3: Dân số và phát triển

- Hoạt động công tác dân số - KHHGĐ:

Tiếp nhận, cấp phát các phương tiện tránh thai, dự trù thuốc, vật tư dịch vụ KHHGĐ. Thực hiện sàng lọc trước sinh cho 158 trường hợp, phát hiện 04 trường hợp dị tật (lũy kế: 662 trường hợp/11 dị tật); sàng lọc sơ sinh 370 trẻ, phát hiện 07 ca dương tính thiếu men G6PD, 01 nguy cơ suy giáp bẩm sinh (lũy kế: 1.649 trẻ/22 trẻ dương tính lần 1).

Duy trì hoạt động mô hình giảm tình trạng tảo hôn và kết hôn cận huyết, khảo sát số liệu đầu vào tại xã San Sả Hồ (Sa Pa) và xã Thào Chư Phìn (Si Ma Cai). Duy trì truyền thông nhằm giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh tại 100% xã, phường; giám sát triển khai Đề án Giảm tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh tại 104 câu lạc bộ. Triển khai Chiến dịch dân số đợt 01/2019, hiện có 94/104 xã/08 huyện đã thực hiện xong, 10 xã đang thực hiện theo kế hoạch.

Biến động dân số đến hết tháng 03/2019: Tổng số trẻ sinh ra: 2.667, số nữ: 1.199, tỷ số giới tính khi sinh: 122 trẻ trai/100 trẻ gái; số sinh con thứ 3 trở lên là 331, tỷ lệ sinh con thứ 3 (+): 12,41%.

- Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi: Triển khai thực hiện quản lý sức khỏe người cao tuổi; tổng số người cao tuổi (từ 60 tuổi trở lên): 61.140 người.

- Chăm sóc SKSS: Số PN đẻ: 1.161, số PN đẻ được quản lý thai: 1.056 (91%); số PN đẻ được khám thai 3 lần/ 3 thời kỳ: 922 (79,4%); tổng số bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau sinh: 800 (68,7%); số PN đẻ được cán bộ y tế đỡ: 1.038 (89,4%). Có 01 trường hợp tai biến sản khoa (vỡ tử cung), không có tử vong mẹ.

- Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em: Cân, đo và theo dõi tăng trưởng cho trẻ em <5 tuổi bị suy dinh dưỡng, số trẻ em <5 tuổi đã thoát khỏi suy dinh dưỡng: 106; số PNCT được uống viên sắt/viên đa vi chất: 1.550.

d) Dự án 4: An toàn thực phẩm

Tổ chức Lễ phát động Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2019.

Thực hiện kiểm tra đảm bảo ATTP tại 326 cơ sở ngành Y tế quản lý, 298/326 cơ sở đạt TCVS (91,4%), xử lý hành chính 02 cơ sở.

Test nhanh: 167 mẫu, 164/167 mẫu đạt TCVS (98,2%); 03 mẫu không đạt do bún, phở dương tính với Phoóc môn.

Tổ chức 09 lớp tập huấn ATTP/ 349 học viên là cán bộ y tế tuyến huyện, xã. Cấp 03 GCN cơ sở đủ điều kiện ATTP, tiếp nhận 14 hồ sơ tự công bố sản phẩm.

Trong tháng không có ngộ độc thực phẩm cấp tính xảy ra.

e) Dự án 5: Phòng, chống HIV/AIDS

- Thông tin, giáo dục và truyền thông: PTTT đại chúng: 131 buổi/ 1.173 phút; trực tiếp tại xã, phường trọng điểm: 78 buổi/2.214 người tham gia; tại xã, phường khác: 143 buổi/3.489 người.

- Can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV/AIDS: Số lượt người NCMT được tiếp cận: 4.857; số lượt PNMD được tiếp cận: 699; cấp phát: BKT sạch: 73.400 chiếc.

- Hỗ trợ điều trị HIV/AIDS: Số người nhiễm HIV/AIDS quản lý: 1.313, số bệnh nhân nhận thuốc 896, lũy kế: 1.492. Số phụ nữ mang thai được tư vấn, xét nghiệm và trở lại nhận kết quả: 1.536.

Điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone tại 07 cơ sở: Số BN đang điều trị: 1.384/1.400 (đạt 98,9% KH).

- Tình hình dịch HIV: Số BN nhiễm HIV mới phát hiện: 14 (lũy tích: 3.045 người), số người nhiễm HIV còn sống: 1.551; bệnh nhân AIDS mới: 10 (lũy tích: 2.519 người), số bệnh nhân AIDS còn sống: 1.025; lũy tích số bệnh nhân AIDS tử vong: 1.494.

f) Dự án 6: Bảo đảm máu an toàn và phòng, chống một số bệnh lý huyết học

Thực hiện an toàn truyền máu, 100% đơn vị máu được sàng lọc HIV trước khi truyền. Triển khai các hoạt động phòng chống một số bệnh lý huyết học.

g) Dự án 7: Quân dân y kết hợp

Ban hành Văn bản số 523/ SYT-NVY ngày 16/04/2019 của Sở Y tế về việc xây dựng và thực hiện kế hoạch diễn tập khu vực phòng thủ huyện Sa Pa, các văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch, thứ tự trình tự các cuộc họp tại đơn vị.

h) Dự án 8: Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông y tế

- Thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát các tuyến.

- Truyền thông - GDSK: Truyền thông gián tiếp 117 tin, bài, ảnh; truyền thông trực tiếp tại cộng đồng 30.176 lần với 89.010 lượt người tham gia. Nội dung về công tác chỉ đạo điều hành của Sở Y tế, tuyên truyền kiến thức đảm bảo ATTP phòng chống dịch bệnh…

2. Kết quả các công tác chuyên môn, chuyên ngành

2.1. Phòng chống dịch bệnh, thiên tai, thảm họa

Công tác giám sát dịch bệnh được duy trì thường xuyên, chỉ đạo kịp thời hoạt động giám sát, kiểm tra và phòng chống các dịch bệnh nói chung, dịch bệnh lưu hành tại địa phương, dịch bệnh nguy hiểm khác. Duy trì các tổ giám sát dịch bệnh, thường trực công tác phòng chống dịch bệnh, thiên tai, thảm họa.

Tình hình dịch bệnh trong tháng 04: Không xảy ra các dịch bệnh nguy hiểm; một số bệnh truyền nhiễm như cúm mùa, quai bị, thủy đậu xảy ra rải rác tại các huyện, thành phố được giám sát phát hiện, điều trị kịp thời khỏi bệnh.

- Quai bị: Tại huyện Bảo Thắng: Mắc mới 30 ca, lũy kế 52 ca tại 04 trường của 3 xã Gia Phú, Xuân Giao và TT Phong Hải, đang điều trị 15 ca (BV Sản Nhi 01, tại nhà 14), 37 ca bệnh còn lại đã khỏi. Tại huyện Bát Xát: Ca bệnh đầu tiên phát hiện ngày 19/3, lũy kế: 09 ca tại Trường PTDT Nội trú huyện, hiện tại tất cả các ca bệnh đã khỏi.

- Thủy đậu: Tại huyện Bảo Thắng: Mắc mới: 39 ca, lũy kế: 59 ca tại 05 trường của 03 xã Gia Phú, Xuân Giao và TT Tằng Loỏng, đang điều trị 22 ca tại nhà, các ca bệnh còn lại đã khỏi, không có trường hợp diễn biến nặng. Tại huyện Bát Xát: Ca bệnh đầu tiên phát hiện ngày 05/03, lũy kế: 93 ca tại các trường mầm non, tiểu học, THCS và cộng đồng xã Nậm Chạc, Trịnh Tường; các ca bệnh đều đã điều trị khỏi. Tại huyện Văn Bàn: Ca bệnh xuất hiện đầu tiên phát hiện ngày 30/3, lũy kế: 17 ca tại Trường mầm non xã Khánh Yên Trung, các ca bệnh đều đã được điều trị khỏi.

- Cúm tại TP Lào Cai: Ca bệnh xuất hiện đầu tiên phát hiện ngày 04/4, lũy kế: 55 ca tại trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc, phường Duyên Hải; các ca bệnh đều đã điều trị khỏi.

- Bệnh dại: Số phơi nhiễm đã tiêm vắc xin phòng dại: 286 người, lũy kế: 930 người; tiêm huyết thanh kháng dại: 69 người, lũy kế: 159 người.

Về trường hợp tử vong do bệnh dại: BN Nguyễn Văn Chiến (dân tộc Kinh, 54 tuổi, nơi thường trú phường Nam Cường, TP Lào Cai), bị chó cắn ngày 12/12/2018, vết cắn ở tay nông, có chảy máu. Sau khi bị cắn đã đi tiêm huyết thanh kháng dại và 01 mũi vắc xin phòng dại tại phòng tiêm Safpo, nhưng bỏ các mũi tiêm tiếp theo. Ngày 13/3/2019 bệnh nhân vào BVĐK tỉnh Lào Cai với biểu hiện mệt mỏi, buồn nôn, nôn, khó chịu. Được cấp cứu tích cực, đến ngày 14/03 bệnh nhân diễn biến nặng, gia đình xin về và tử vong tại nhà vào 22h cùng ngày. Điều tra chó cắn bệnh nhân đã bỏ chạy, mất tích, khu vực lân cận không ai bị cắn cùng thời điểm.

Trước tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, Sở Y tế đã ban hành công văn số 383/SYT-NVY ngày 25/3/2019 về tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh, chỉ đạo các đơn vị duy trì các hoạt động theo dõi, giám sát, chủ động phòng chống dịch bệnh, thực hiện chế độ báo cáo theo yêu cầu.

(Thống kê các bệnh truyền nhiễm gây dịch chi tiết tại Phụ lục số 1).

2.2. Công tác khám chữa bệnh

Công tác khám chữa bệnh được thực hiện tốt tại các tuyến, đảm bảo chế độ thường trực cấp cứu 24/24 giờ; sẵn sàng tiếp nhận, điều trị kịp thời các ca bệnh; thực hiện nghiêm các quy định về tinh thần, thái độ, trách nhiệm phục vụ nhân dân trong các cơ sở khám, chữa bệnh công lập.

Công tác KCB BHYT được đảm bảo; phối hợp với BHXH tháo gỡ các khó khăn,vướng mắc trong công tác khám chữa bệnh BHYT tại các cơ sở khám chữa bệnh; đề nghị Bộ Y tế hướng dẫn cụ thể việc ký hợp đồng khám, chữa bệnh BHYT tại Trung tâm y tế các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

Công suất sử dụng giường bệnh bình quân trong toàn tỉnh là 100,84%; trong đó tại bệnh viện: 109,43%, tại PKĐKKV: 22,87%.

(Thống kê tình hình khám chữa bệnh trong tháng chi tiết tại Phụ lục 2).

2.3. Hoạt động kiểm dịch y tế biên giới

Kiểm tra y tế: Phương tiện vận chuyển hàng hóa xuất nhập cảnh (XNC): 20.522; khách XNC: 32.634 lượt. Xử lý y tế: 4.834 lượt phương tiện nhập cảnh; phun khử trùng 25 lần tại khu vực cửa khẩu, khu kiểm hóa. Không phát hiện trường hợp mắc bệnh kiểm dịch y tế quốc tế.

2.4. Công tác Giám định y khoa và Pháp y:

Giám định y khoa: Thương binh: 03, tai nạn lao động: 02, hưu trí: 31.

Giám định pháp y: Thương tích: 14 ca; tử vong: 13 ca.

2.5. Chăm sóc sức khỏe cán bộ diện tỉnh quản lý: Duy trì thực hiện các hoạt động khám sức khỏe, khám thường kỳ.

2.6. Công tác dược

Thông báo đình chỉ lưu hành 01 thuốc, 05 mỹ phẩm; rút số đăng ký 16 thuốc theo thông báo, quyết định của Cục Quản lý Dược.

Cấp 09 Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược, 09 Giấy chứng nhận thực hành tốt GPP; 01 Chứng chỉ hành nghề dược.

Đáp ứng nhu cầu thuốc, vật tư y tế cho khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh và ứng cứu thiên tai thảm họa.

2.7. Công tác kiểm nghiệm

Lấy 75 mẫu (dược phẩm: 69, phân tích độc chất: 06). Công tác kỹ thuật: Dược phẩm: 125 (đạt chất lượng: 86, đang kiểm nghiệm: 39); phân tích độc chất: 06, không có chất ma túy nhóm Opiat và ATS.

2.8. Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN

Thực hiện 02 cuộc thanh, kiểm tra chuyên ngành tại 34 cơ sở, 04 trường hợp vi phạm, yêu cầu dừng hoạt động 02 cơ sở.

Trong tháng tiếp nhận và giải quyết xong 01 đơn khiếu nại.

II. CÔNG TÁC KHÁC: Tổ chức Hội nghị Giao ban trực tuyến về công tác y tế quý I/2019. Duy trì công tác Đảng và hoạt động các đoàn thể.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Tháng 04 năm 2019, Ngành Y tế thực hiện đẩy mạnh nhiệm vụ kế hoạch công tác năm; công tác chỉ đạo điều hành kịp thời, cụ thể cho từng lĩnh vực, các dự án Chương trình mục tiêu y tế - dân số và hoạt động chuyên môn.

Tăng cường công tác giám sát dịch bệnh nguy hiểm như: Sốt xuất huyết, viêm não virus, tả, sởi, các chủng cúm A, bạch hầu, ho gà,...phòng chống dịch bệnh theo mùa; thực hiện tốt công tác tiêm vắc xin định kỳ cho trẻ em. Đẩy mạnh công tác dân số - KHHGĐ, đảm bảo an toàn thực phẩm. Sẵn sàng đáp ứng kịp thời, đầy đủ phương tiện, hóa chất, thuốc, nhân lực cho phòng chống dịch bệnh, thiên tai.

Khám chữa bệnh được duy trì tốt ở các tuyến; công suất sử dụng giường bệnh bình quân tại bệnh viện là 100,84%, PKĐKKV là 22,87%. Khám chữa bệnh BHYT được quan tâm, thuận lợi cho người bệnh sử dụng dịch vụ y tế.

Công tác đảng, đoàn thể được quan tâm thực hiện; duy trì tốt các phong trào thi đua, giáo dục y đức cho cán bộ nhân viên trong toàn ngành.

IV. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU THÁNG 5/2019

1. Đẩy mạnh tiến độ Kế hoạch thực hiện Đề án số 7 "Phát triển y tế, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân" và các kế hoạch của tỉnh thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW và Nghị quyết số 21-NQ/TW của BCH Trung ương.

2. Tiếp tục tăng cường các biện pháp giám sát, phòng chống dịch bệnh nguy hiểm, các bệnh dịch mùa hè.

3. Sẵn sàng, chủ động trong phòng chống dịch bệnh, phòng chống thiên tai thảm họa.

4. Tập trung phát triển dịch vụ y tế, tăng cường dịch vụ khám chữa bệnh vùng khó khăn, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế.

5. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu y tế - dân số; tập trung hoạt động chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em, chiến dịch lồng ghép, tăng cường các hoạt động truyền thông và cung cấp các dịch vụ dân số - KHHGĐ.

6. Tăng cường kiểm tra đảm bảo an toàn VSTP trên địa bàn tỉnh.

7. Đảm bảo hậu cần, thuốc, vật tư y tế cho phòng bệnh, chữa bệnh và phòng chống thiên tai thảm họa.

8. Duy trì, đẩy mạnh các hoạt động đoàn thể, phong trào thi đua.

Nơi nhận:
- TT.TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Bộ Y tế;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Ban VHXH (HĐND tỉnh);
- Sở KH&ĐT; Cục Thống kê;
- Văn phòng UBND huyện, TP;
- Ban Giám đốc ;
- Các phòng ban, đơn vị y tế (email);
- Cổng thông tin điện tử SYT;
- Lưu KHTC,VT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ

Nông Tiến Cương

Phụ lục 1: Tình hình dịch bệnh tháng 4 năm 2019

TT	Bệnh	Tháng 04/2019		Lũy kế 04 tháng		Cùng kỳ 2018	
		Mắc	Chết	Mắc	Chết	Mắc	Chết
1	Bạch hầu	-	-	-	-	-	-
2	Bại liệt	-	-	-	-	-	-
3	Bệnh do liên cầu lợn ở người	1	-	1	-	-	-
4	Bệnh do vi rút(Andeno)	24	-	109	-	210	-
5	Cúm	800	-	2,940	-	3037	-
6	Cúm A (H5N1)	-	-	-	-	-	-
7	Cúm A (H7N9)	-	-	-	-	-	-
8	Dại (mắc/chết)	1	1	1	1	3	3
9	Dịch hạch	-	-	-	-	-	-
10	Ê-bô-la	-	-	-	-	-	-
11	Ho gà	8	-	17	-	4	-
12	Lát-sa(Lassa)	-	-	-	-	-	-
13	Liệt mềm cấp nghi bại liệt	-	-	-	-	-	-
14	Lỵ A míp	2	-	11	-	9	-
15	Lỵ trực trùng	23	-	55	-	37	-
16	Mác- bớt (Marburg)	-	-	-	-	-	-
17	Quai bị	89	-	181	-	119	-
18	Rubella	-	-	-	-	-	-
19	Sởi (sốt phát ban)	17	-	22	-	-	-
20	Sốt tây sông Nin	-	-	-	-	-	-
21	Sốt vàng	-	-	-	-	-	-
22	Sốt xuất huyết Dengue	-	-	-	-	1	-
23	Tả	-	-	-	-	-	-
24	Tay - chân -miệng	2	-	8	-	14	-
25	Than	-	-	-	-	-	-
26	Thương hàn	-	-	-	-	-	-
27	Thủy đậu	206	-	535	-	321	-
28	Tiêu chảy	376	-	1337	-	1347	-
29	Uốn ván khác (mắc/chết)	-	-	-	-	-	-
30	Uốn ván sơ sinh (mắc/chết)	-	-	1	-	4	-
31	MERS-CoV	-	-	-	-	-	-
32	Viêm gan vi rút A	-	-	-	-	-	-
33	Viêm gan vi rút B	2	-	8	-	16	-
34	Viêm gan vi rút C	2	-	3	-	6	-
35	Viêm gan vi rút khác	15	-	16	-	6	-
36	Viêm màng não do NMC	-	-	-	-	-	-
37	Viêm não nhật bản	-	-	-	-	-	-
38	Viêm não vi rút khác	-	-	8	-	2	-
39	Xoắn khuẩn vàng da(Leptospira)	-	-	-	-	-	-
40	Zika	-	-	-	-	-	-

Phụ lục 2: Tổng hợp khám, chữa bệnh tháng 4/2019

Số TT	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG			ĐƠN VỊ TÍNH	Thực hiện toàn tỉnh	Các tuyến					
						Bệnh viện tỉnh huyện		PKKV		Trạm y tế xã	
						Thực hiện	*Tỷ lệ %*	Thực hiện	*Tỷ lệ %*	Thực hiện	*Tỷ lệ %*
I	**HOẠT ĐỘNG KHÁM CHỮA BỆNH**										
	GIƯỜNG BỆNH			Giường	**2,870**	**2,585**	***90.1***	**285**	***9.9***	**0**	*0.0*
1	**Tổng số lần khám bệnh**			L. người	**159,230**	73,178	***46.0***	11,912	***7.5***	74,140	*46.6*
	Tổng số lần khám bệnh BHYT			L. người	**104,384**	63,612	***60.9***	11,055	***10.6***	29,717	*28.5*
	Trong đó:	BHYT NN		L. người	**11,385**	4,381	***38.5***	885	***7.8***	6,119	*53.7*
		BHYT DT		L. người	**57,511**	40,426	***70.3***	4,619	***8.0***	12,466	*21.7*
		Trẻ em dưới 6 tuổi		L. người	**15,762**	8,019	***50.9***	1,981	***12.6***	5,762	*36.6*
2	**Tổng số khám người cao tuổi >=60 tuổi**			L. người	**22,056**	16,974	***77.0***	2,004	***9.1***	3,078	*14.0*
3	**Tổng số khám YHCT**			L. người	**16,394**	5,192	***31.7***	1,986	***12.1***	9,216	*56.2*
4	**Tổng số khám BN người nước ngoài**			L. người	**22**	22	***100.0***	0	***0.0***	0	*0.0*
5	**Tổng số khám sức khỏe**			L. người	**1,682**	1,682	***100.0***	0	***0.0***	0	*0.0*
6	**Tổng số khám ngoại viện**			L. người	**41,567**	533	***1.3***	470	***1.1***	40,564	*97.6*
7	7.1	**TS BN điều trị nội trú**		**L. người**	**15,472**	15,065	***97.4***	397	***2.6***	10	*0.1*
	Tổng số ngày điều trị nội trú			Ngày	**89,748**	87,695	***97.7***	2,021	***2.3***	32	*0.0*
	Ngày điều trị trung bình/ 1 BN			Ngày	**5.80**	**5.82**		**5.09**		**3.20**	
	7.2	**Công suất SD giường bệnh**		**%**	**100.84**	**109.43**		**22.87**		**0.00**	
	Trong đó	BHYT NN	Tổng số BN	L. người	**1,696**	1,630	***96.1***	65	***3.8***	1	*0.1*
			T/s ng.điều trị	Ngày	**10,717**	10,376	***96.8***	338	***3.2***	3	*0.0*
		BHYT DT	Tổng số BN	L. người	**3,622**	3,538	***97.7***	81	***2.2***	3	*0.1*
			T/s ng.điều trị	Ngày	**28,379**	27,871	***98.2***	491	***1.7***	17	*0.1*
		Trẻ em dưới 6 tuổi	Tổng số BN	L. người	**3,748**	3,645	***97.3***	103	***2.7***	0	*0.0*
			T/s ng.điều trị	Ngày	**19,609**	19,082	***97.3***	527	***2.7***	0	*0.0*
	7.3	**T/s BN điều trị nội trú YHCT**		L. người	**1,177**	1,152	***97.9***	25	***2.1***	0	*0.0*
	7.4	**T/s BN điều trị nội trú NCT**		L. người	**2,125**	2,094	***98.5***	31	***1.5***	0	*0.0*

8	**Tổng số BN điều trị ngoại trú**	L. người	**8,128**	6,341	***78.0***	547	***6.7***	1,240	***15.3***
9	**Số bệnh nhân chuyển tuyến**	**L. người**	**4,610**	3,285	***71.3***	984	***21.3***	341	*7.4*
	Trong đó BHYT TN	L. người	**4,098**	3,031	***74.0***	870	***21.2***	197	*4.8*
	Trong đó BHYT ĐT	L. người	**463**	232	***50.1***	114	***24.6***	117	*25.3*
	Trong đó Trẻ em dưới 6 tuổi	L. người	**49**	22	***44.9***	0	***0.0***	27	*55.1*
10	**Số bệnh nhân tử vong**	**Người**	**8**	8	***100.0***	0	***0.0***	0	*0.0*
	Trong đó Trước 24 giờ	Người	**4**	4	***100.0***	0	***0.0***	0	*0.0*
	Trong đó Sau 24 giờ	Người	**4**	4	***100.0***	0	***0.0***	0	*0.0*
11	**Tổng số ca phẫu thuật**	**ca**	**1,277**	1,275	***99.8***	0	***0.0***	2	*0.2*
	Trong đó Loại đặc biệt	**ca**	**35**	35	***100.0***	0	***0.0***	0	*0.0*
12	**Tổng số ca thủ thuật**	**ca**	**61,564**	60,529	***98.3***	1,023	***1.7***	12	*0.0*
	Trong đó Loại đặc biệt	**ca**	**107**	107	***100.0***	0	***0.0***	0	*0.0*
13	**Tổng số đẻ (kể cả mổ lấy thai)**	**Người**	**977**	920	***94.2***	21	***2.1***	36	*3.7*
	Trong đó Mổ lấy thai	Người	**332**	332	***100.0***	0	***0.0***	0	*0.0*
	Trẻ SS có P< 2.500gr	Người	**55**	55	***100.0***	0	***0.0***	0	*0.0*
14	**Số BN tai nạn**	**L.người**	**1,144**	789	***69.0***	103	***9.0***	252	***22.0***
	Trong đó TN giao thông	L người	**255**	180	***70.6***	13	***5.1***	62	*24.3*
	Trong đó TN khác	Lngười	**889**	609	***68.5***	90	***10.1***	190	*21.4*
II	**HOẠT ĐỘNG CẬN LÂM SÀNG**								
1	**Tổng số Xét nghiệm**	**L. ng**	**114,174**	111,973	***98.1***	2,201	***1.9***	0	*0.0*
2	**Chẩn đoán hình ảnh**	**L. ng**	**51,991**	50,641	***97.4***	1,350	***2.6***	0	*0.0*
III	**TS BN TÁN SỎI NGOÀI CƠ THỂ**	**L. ng**	**15**	15	***100.0***	0	***0.0***	0	*0.0*
IV	**TỔNG SỐ CHẠY THẬN NT**	**L. ng**	**1,990**	1,990	***100.0***	0	***0.0***	0	*0.0*